

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC  
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

NGÀY THI: 23, 24, 25/12/2022

| TT | SBD      | Họ và tên      |       | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú  |
|----|----------|----------------|-------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|----------|
|    |          |                |       |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |          |
| 1  | CNTT3584 | Bùi Tuấn       | Anh   | 28/02/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |          |
| 2  | CNTT3585 | Hoàng Thị Lan  | Anh   | 08/08/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |          |
| 3  | CNTT3586 | Nguyễn Tuấn    | Anh   | 27/06/2006 | TP HCM   | Nam       | -           | -         | -         | Vắng thi |
| 4  | CNTT3587 | Nguyễn Tuấn    | Anh   | 30/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | -           | 4,0       | Không đạt |          |
| 5  | CNTT3588 | Hoàng Thị Ngọc | Bích  | 20/05/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt       |          |
| 6  | CNTT3589 | Bùi Hiền       | Chi   | 31/10/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt       |          |
| 7  | CNTT3590 | Bùi Văn        | Chiến | 30/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |          |
| 8  | CNTT3591 | Phạm Thị Kiều  | Chinh | 05/07/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt       |          |
| 9  | CNTT3592 | Bạch Công      | Chung | 21/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | -           | -         | -         | Vắng thi |
| 10 | CNTT3593 | Nguyễn Thành   | Công  | 29/06/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt       |          |
| 11 | CNTT3594 | Phạm           | Công  | 26/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |          |
| 12 | CNTT3595 | Đinh Thế       | Cương | 01/12/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt       |          |
| 13 | CNTT3596 | Nguyễn Biên    | Cương | 29/06/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |          |
| 14 | CNTT3597 | Nguyễn Mạnh    | Dũng  | 02/06/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt       |          |
| 15 | CNTT3598 | Bùi Đức        | Duy   | 21/12/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |          |
| 16 | CNTT3599 | Nguyễn Trường  | Duy   | 08/12/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |          |
| 17 | CNTT3600 | Bùi Thanh      | Dương | 01/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |          |
| 18 | CNTT3601 | Đinh Công      | Đại   | 25/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,7         | 5,0       | Đạt       |          |
| 19 | CNTT3602 | Hoàng Việt     | Đức   | 13/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |          |
| 20 | CNTT3603 | Nguyễn Anh     | Đức   | 12/05/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |          |
| 21 | CNTT3604 | Đinh Kiều      | Giang | 21/10/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,0       | Đạt       |          |
| 22 | CNTT3605 | Đinh Thị Hương | Giang | 09/12/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |          |
| 23 | CNTT3606 | Nguyễn Quỳnh   | Giang | 23/10/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |          |

| TT | SBD      | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|----|----------|-------------------|-------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|    |          |                   |       |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 24 | CNTT3607 | Triệu Quang       | Hà    | 15/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 25 | CNTT3608 | Bùi Nhật          | Hải   | 19/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 26 | CNTT3609 | Hoàng Ngọc        | Hải   | 14/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 27 | CNTT3610 | Hoàng Nhật        | Hân   | 01/11/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 28 | CNTT3611 | Hoàng Mạnh        | Hiếu  | 19/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 29 | CNTT3612 | Lê Đức            | Hiếu  | 30/03/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 30 | CNTT3613 | Nguyễn Mạnh       | Hiếu  | 27/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 31 | CNTT3614 | Quách Công        | Hiếu  | 04/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 32 | CNTT3615 | Nguyễn Xuân       | Hòa   | 17/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 33 | CNTT3616 | Đình Công         | Hoàng | 19/05/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 34 | CNTT3617 | Nguyễn Trọng      | Hoàng | 30/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | -           | 3,0       | Không đạt |         |
| 35 | CNTT3618 | Bùi Minh          | Hùng  | 18/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 36 | CNTT3619 | Đàm Quốc          | Huy   | 31/03/2005 | Hà Nội   | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 37 | CNTT3620 | Nguyễn Quang      | Huy   | 21/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 38 | CNTT3621 | Nguyễn Tiến       | Huy   | 28/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 39 | CNTT3622 | Phạm Ngọc         | Khải  | 26/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 40 | CNTT3623 | Bùi Thị Hương     | Khuê  | 28/11/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 41 | CNTT3624 | Đình Công         | Kiên  | 08/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 42 | CNTT3625 | Xa Ngọc           | Lan   | 16/12/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 43 | CNTT3626 | Bùi Thái          | Lâm   | 22/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 44 | CNTT3627 | Hoàng Thị         | Liên  | 03/04/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 45 | CNTT3628 | Nguyễn Ngọc Khánh | Linh  | 22/10/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 46 | CNTT3629 | Hoàng Nhật        | Long  | 18/01/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 47 | CNTT3630 | Nguyễn Văn Việt   | Long  | 26/02/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 48 | CNTT3631 | Nguyễn Xuân       | Lộc   | 26/02/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 49 | CNTT3632 | Bùi Thị Thanh     | Luân  | 27/08/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 50 | CNTT3633 | Đình Thế          | Luận  | 30/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 51 | CNTT3634 | Phạm Thế          | Lực   | 10/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | -           | 3,5       | Không đạt |         |

| TT | SBD      | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|----|----------|------------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|    |          |                  |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 52 | CNTT3635 | Đinh Đức         | Mạnh   | 23/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 53 | CNTT3636 | Hoàng Tiến       | Mạnh   | 01/12/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 54 | CNTT3637 | Hoàng Văn        | Mạnh   | 04/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 7,5       | Đạt       |         |
| 55 | CNTT3638 | Hoàng Thị        | Na     | 30/10/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 56 | CNTT3639 | Nguyễn Thành     | Nam    | 30/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 57 | CNTT3640 | Trần Văn         | Nghĩa  | 13/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 58 | CNTT3641 | Hoàng Trọng      | Nguyên | 03/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 59 | CNTT3642 | Trịnh Hoàng Phi  | Nhã    | 29/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 60 | CNTT3643 | Quách Công       | Nhuận  | 27/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 61 | CNTT3644 | Bùi Thanh        | Phượng | 29/01/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 62 | CNTT3645 | Mạc Thị Mai      | Phượng | 25/05/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 63 | CNTT3646 | Bùi Minh         | Phượng | 23/05/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 64 | CNTT3647 | Hoàng Bích       | Phượng | 08/06/2006 | Hòa Bình | Nữ        | -           | 3,0       | Không đạt |         |
| 65 | CNTT3648 | Dương Quý        | Quang  | 17/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 66 | CNTT3649 | Nguyễn Minh      | Quân   | 19/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | -           | 2,0       | Không đạt |         |
| 67 | CNTT3650 | Bùi Văn          | Sơn    | 02/01/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 68 | CNTT3651 | Nguyễn Văn       | Sơn    | 24/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 69 | CNTT3652 | Hoàng Văn        | Tân    | 13/02/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 70 | CNTT3653 | Nguyễn Thị Huyền | Thanh  | 15/06/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 71 | CNTT3654 | Bùi Đức          | Thành  | 15/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 72 | CNTT3655 | Bùi Phương       | Thảo   | 14/03/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 73 | CNTT3656 | Đinh Phương      | Thảo   | 23/02/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 74 | CNTT3657 | Lưu Thị Bích     | Thảo   | 30/03/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 75 | CNTT3658 | Nguyễn Phương    | Thảo   | 17/05/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 76 | CNTT3659 | Hoàng Mạnh       | Thắng  | 22/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 77 | CNTT3660 | Nguyễn Nhật      | Thiên  | 29/01/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 78 | CNTT3661 | Bùi Đức          | Thịnh  | 15/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 79 | CNTT3662 | Nguyễn Minh      | Thuận  | 22/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 80  | CNTT3663 | Nguyễn Phương  | Thúy   | 05/10/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 5,7         | 6,5       | Đạt       |         |
| 81  | CNTT3664 | Bùi Thị        | Thủy   | 22/09/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,5         | 6,5       | Đạt       |         |
| 82  | CNTT3665 | Nguyễn Đình    | Thức   | 23/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 83  | CNTT3666 | Chu Mạnh       | Thực   | 15/10/2006 | Hà Nội   | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 84  | CNTT3667 | Hoàng Thị Hoài | Thương | 01/10/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 85  | CNTT3668 | Lê Duy         | Thường | 29/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 86  | CNTT3669 | Đình Đức       | Tĩnh   | 02/05/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 87  | CNTT3670 | Quách Công     | Tĩnh   | 11/03/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 88  | CNTT3671 | Bùi Thị Huyền  | Trang  | 10/05/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 89  | CNTT3672 | Lê Huyền       | Trâm   | 16/04/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,5         | 6,5       | Đạt       |         |
| 90  | CNTT3673 | Hoàng Văn      | Trường | 13/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 91  | CNTT3674 | Bùi Anh        | Tú     | 25/08/2004 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 92  | CNTT3675 | Hoàng Anh      | Tú     | 31/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 93  | CNTT3676 | Bùi Thị Mai    | Tuyết  | 22/04/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 94  | CNTT3677 | Bùi Tuấn       | Việt   | 24/03/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 95  | CNTT3678 | Triệu Văn      | Việt   | 07/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 96  | CNTT3679 | Hoàng Văn      | Vũ     | 17/03/2006 | Hòa Bình | Nam       | -           | 4,0       | Không đạt |         |
| 97  | CNTT3680 | Bùi Văn        | Vương  | 08/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 98  | CNTT3681 | Bùi Thanh      | Xuân   | 17/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 99  | CNTT3682 | Nguyễn Hải     | Yên    | 03/08/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 100 | CNTT3683 | Nguyễn Thị Hải | Yên    | 01/08/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 101 | CNTT3684 | Nguyễn Thanh   | Bảo    | 23/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 102 | CNTT3685 | Nguyễn Đức     | Chí    | 01/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 103 | CNTT3686 | Nguyễn Thành   | Công   | 19/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 104 | CNTT3687 | Bùi Đại        | Cương  | 01/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 105 | CNTT3688 | Quách Mạnh     | Dũng   | 13/02/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 106 | CNTT3689 | Bùi Thị Hương  | Giang  | 03/08/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 107 | CNTT3690 | Bàn Minh       | Hải    | 11/11/2006 | Lào Cai  | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                  |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 108 | CNTT3691 | Nguyễn Tuấn      | Hải    | 23/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 109 | CNTT3692 | Trần Thị Thanh   | Hằng   | 25/03/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 110 | CNTT3693 | Bùi Trung        | Hiếu   | 12/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 111 | CNTT3694 | Nguyễn Ngọc      | Hiếu   | 15/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 112 | CNTT3695 | Nguyễn Văn       | Hòa    | 26/01/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 113 | CNTT3696 | Nguyễn Thị       | Hồng   | 28/08/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 114 | CNTT3697 | Bùi Thị Thanh    | Huyền  | 24/05/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 115 | CNTT3698 | Bùi Tuấn         | Hưng   | 18/07/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 116 | CNTT3699 | Đặng Duy         | Khánh  | 03/04/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 117 | CNTT3700 | Nguyễn Nam       | Khánh  | 23/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 118 | CNTT3701 | Bùi Duy          | Kiên   | 30/12/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 119 | CNTT3702 | Nguyễn Quang     | Linh   | 06/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 120 | CNTT3703 | Nguyễn Thị Khánh | Linh   | 10/10/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 8,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 121 | CNTT3704 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh   | 05/06/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 122 | CNTT3705 | Nguyễn Thị Ngọc  | Mai    | 16/01/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 123 | CNTT3706 | Nguyễn Duy       | Mạnh   | 21/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 124 | CNTT3707 | Nguyễn Ngọc      | Mạnh   | 24/02/2006 | Hà Nội   | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 125 | CNTT3708 | Nguyễn Trà       | My     | 31/03/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 126 | CNTT3709 | Quách Đình       | Nguyên | 24/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 127 | CNTT3710 | Nguyễn Minh      | Nhất   | 21/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 128 | CNTT3711 | Nguyễn Văn       | Nhật   | 13/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 129 | CNTT3712 | Bùi Hồng         | Nhung  | 27/07/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 7,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 130 | CNTT3713 | Nguyễn Văn       | Phong  | 12/06/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 131 | CNTT3714 | Nguyễn Xuân      | Phú    | 01/11/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 132 | CNTT3715 | Nguyễn Thị Hoài  | Phương | 03/12/2006 | Hà Nội   | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 133 | CNTT3716 | Nguyễn Duy       | Quang  | 16/10/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 134 | CNTT3717 | Nguyễn Anh       | Quân   | 22/01/2006 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 135 | CNTT3718 | Nguyễn Văn       | Quyên  | 30/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|--------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                  |        |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 136 | CNTT3719 | Bạch Hoàng       | Thái   | 12/03/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 137 | CNTT3720 | Đinh Thị Kim     | Thoa   | 20/09/1962 | Hòa Bình  | Nữ        | -           | 2,0       | Không đạt |         |
| 138 | CNTT3721 | Phùng Thị        | Thương | 21/06/2006 | Hà Nội    | Nữ        | -           | 2,5       | Không đạt |         |
| 139 | CNTT3722 | Bùi Thị Thủy     | Tiên   | 21/08/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 140 | CNTT3723 | Nguyễn Thị Hương | Trà    | 04/05/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 141 | CNTT3724 | Bạch Huyền       | Trang  | 14/02/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 142 | CNTT3725 | Nguyễn Văn       | Trọng  | 27/08/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 143 | CNTT3726 | Đào Văn          | Trường | 03/04/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 144 | CNTT3727 | Bùi Anh          | Tuấn   | 24/01/1977 | Hòa Bình  | Nam       | 8,0         | 8,0       | Đạt       |         |
| 145 | CNTT3728 | Phạm Quang       | Vinh   | 19/12/2006 | Lào Cai   | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 146 | CNTT3729 | Nguyễn Anh       | Vũ     | 05/10/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 147 | CNTT3730 | Hoàng Công       | Vượng  | 03/02/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 148 | CNTT3731 | Hoàng            | Xa     | 09/06/1976 | Thái Bình | Nam       | 8,5         | 8,5       | Đạt       |         |
| 149 | CNTT3732 | Nguyễn Bình      | An     | 03/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 6,5       | Đạt       |         |
| 150 | CNTT3733 | Bùi Quỳnh        | Anh    | 21/03/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 151 | CNTT3734 | Đinh Ngọc Hà     | Anh    | 04/06/1999 | Hòa Bình  | Nữ        | 8,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 152 | CNTT3735 | Nguyễn Đức       | Anh    | 10/11/2005 | Hà Tây    | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 153 | CNTT3736 | Nguyễn Việt      | Anh    | 10/06/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 7,5       | Đạt       |         |
| 154 | CNTT3737 | Phàng Thế        | Anh    | 25/05/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 155 | CNTT3738 | Phùng Thị Vân    | Anh    | 09/10/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 156 | CNTT3739 | Trần Thế         | Anh    | 21/04/2004 | Sơn La    | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 157 | CNTT3740 | Xa Quỳnh         | Anh    | 05/02/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 158 | CNTT3741 | Đinh Thị Hồng    | Ánh    | 04/10/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 159 | CNTT3742 | Nguyễn Thị       | Ánh    | 16/11/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 160 | CNTT3743 | Mùa A Tu         | Bầu    | 03/07/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 161 | CNTT3744 | Vừ Thị           | Bầu    | 26/11/2005 | Cao Bằng  | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 162 | CNTT3745 | Lâm Thị          | Bình   | 27/07/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 163 | CNTT3746 | Bùi Thị Minh     | Châu   | 26/08/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |



| TT  | SBD      | Họ và tên     |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|-------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |               |       |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 164 | CNTT3747 | Bùi Uyên      | Chi   | 09/07/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 165 | CNTT3748 | Lò Thị Khánh  | Chi   | 08/01/2005 | Lai Châu  | Nữ        | 8,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 166 | CNTT3749 | Phạm Ngọc     | Chi   | 04/04/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 167 | CNTT3750 | Trần Thị Kiều | Chi   | 16/05/2006 | Nghệ An   | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 168 | CNTT3751 | Bùi Hồng      | Chiến | 04/12/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 169 | CNTT3752 | Bùi Đức       | Chinh | 14/03/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 170 | CNTT3753 | Mùa A         | Chính | 10/07/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 171 | CNTT3754 | Hầu Mí        | Chơ   | 18/08/2005 | Hà Giang  | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 172 | CNTT3755 | Vàng Thị      | Chua  | 06/07/2004 | Lai Châu  | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 173 | CNTT3756 | Vừ A          | Công  | 04/05/2004 | Lai Châu  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 174 | CNTT3757 | Thào A        | Của   | 07/07/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 175 | CNTT3758 | Lường Mạnh    | Cường | 24/07/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 176 | CNTT3759 | Nguyễn Anh    | Diệp  | 25/08/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 177 | CNTT3760 | Mùa A         | Dơ    | 02/01/2005 | Sơn La    | Nam       | 5,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 178 | CNTT3761 | Hoàng Tiến    | Dũng  | 05/11/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 179 | CNTT3762 | Tráng A       | Dũng  | 13/05/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 180 | CNTT3763 | Bùi Khánh     | Duy   | 13/07/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 181 | CNTT3764 | Lò Khương     | Duy   | 16/12/2005 | Lai Châu  | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 182 | CNTT3765 | Phạm Văn      | Duy   | 19/05/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 183 | CNTT3766 | Bùi Văn       | Dụng  | 26/03/1999 | Hòa Bình  | Nam       | 8,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 184 | CNTT3767 | Đinh Công     | Dương | 09/04/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 185 | CNTT3768 | Đinh Thế      | Dương | 31/01/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 186 | CNTT3769 | Phạm Như      | Đào   | 01/02/2005 | Thanh Hóa | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 187 | CNTT3770 | Quảng Văn     | Giang | 07/09/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 188 | CNTT3771 | Thào A        | Hành  | 02/05/2005 | Sơn La    | Nam       | 8,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 189 | CNTT3772 | Nguyễn Phương | Hảo   | 03/02/1982 | Hòa Bình  | Nữ        | 8,2         | 7,5       | Đạt     |         |
| 190 | CNTT3773 | Mùa A         | Hiệp  | 21/02/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 191 | CNTT3774 | Đinh Đức      | Hoàn  | 29/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên     |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|-------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |               |       |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 192 | CNTT3775 | Bùi Anh       | Hoàng | 06/05/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 193 | CNTT3776 | Bùi Ngọc      | Hoàng | 28/09/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 194 | CNTT3777 | Lò Văn        | Hùng  | 18/02/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 195 | CNTT3778 | Ngân Việt     | Hùng  | 16/09/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 196 | CNTT3779 | Phạm Lê Ngọc  | Huyền | 29/04/2002 | Hà Nội    | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 197 | CNTT3780 | Sùng Y        | Hương | 16/08/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 198 | CNTT3781 | Cà Văn        | Kiên  | 05/11/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 199 | CNTT3782 | Lý Thị        | Lan   | 04/01/2005 | Lai Châu  | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 200 | CNTT3783 | Hoàng Đức     | Lâm   | 17/03/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 201 | CNTT3784 | Tráng A       | Linh  | 04/02/2005 | Sơn La    | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 202 | CNTT3785 | Mào Hoài      | Ly    | 19/08/2005 | Lai Châu  | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 203 | CNTT3786 | Mùa A         | Ly    | 14/08/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 204 | CNTT3787 | Lò Đức        | Mạnh  | 04/01/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 205 | CNTT3788 | Giàng A       | Nam   | 16/08/2001 | Lai Châu  | Nam       | 8,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 206 | CNTT3789 | Phàng A       | Nênh  | 30/06/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 207 | CNTT3790 | Sông A        | Nênh  | 06/07/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 208 | CNTT3791 | Lò Thị        | Ngọc  | 27/03/2005 | Sơn La    | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 209 | CNTT3792 | Lò Thúy       | Ngọc  | 25/02/2005 | Sơn La    | Nữ        | 7,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 210 | CNTT3793 | Tòng Thị Bích | Ngọc  | 08/07/2005 | Điện Biên | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 211 | CNTT3794 | Giàng Thị     | Nhi   | 14/01/2005 | Yên Bái   | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 212 | CNTT3795 | Giàng A       | Nụ    | 23/07/2004 | Điện Biên | Nam       | 7,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 213 | CNTT3796 | Mùa A         | Páo   | 10/10/2004 | Sơn La    | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 214 | CNTT3797 | Mùa A         | Páo   | 11/12/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 215 | CNTT3798 | Mùa Giàng     | Páo   | 03/06/2005 | Sơn La    | Nam       | 5,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 216 | CNTT3799 | Ly A          | Phí   | 10/12/2005 | Điện Biên | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 217 | CNTT3800 | Ngân Văn      | Phong | 02/02/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 7,0       | Đạt     |         |
| 218 | CNTT3801 | Nghiêm Xuân   | Phúc  | 15/12/2005 | Hà Nội    | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 219 | CNTT3802 | Liêu A        | Phùng | 21/07/2005 | Lai Châu  | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |



| TT  | SBD      | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú  |
|-----|----------|------------------|-------|------------|-------------|-----------|-------------|-----------|---------|----------|
|     |          |                  |       |            |             |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |          |
| 220 | CNTT3803 | Lò Thị           | Quyên | 19/07/2005 | Sơn La      | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 221 | CNTT3804 | Quảng Thị        | Quyên | 23/07/2005 | Sơn La      | Nữ        | 6,0         | 7,5       | Đạt     |          |
| 222 | CNTT3805 | Vừ Thị           | Si    | 11/12/2005 | Cao Bằng    | Nữ        | 7,2         | 6,0       | Đạt     |          |
| 223 | CNTT3806 | Hà Thị Lệ        | Thư   | 19/12/2004 | Hòa Bình    | Nữ        | 8,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 224 | CNTT3807 | Lê Anh           | Thư   | 21/12/2005 | Điện Biên   | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt     |          |
| 225 | CNTT3808 | Mùa A            | Tông  | 27/10/2005 | Sơn La      | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 226 | CNTT3809 | Mùa A            | Vàng  | 12/02/2005 | Sơn La      | Nam       | 5,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 227 | CNTT3810 | Vũ Văn           | Đại   | 23/09/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |          |
| 228 | CNTT3811 | Quách Đình       | Đào   | 22/01/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 229 | CNTT3812 | Chu Thế          | Đạt   | 28/05/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 7,5       | Đạt     |          |
| 230 | CNTT3813 | Nguyễn Việt      | Đức   | 18/09/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 231 | CNTT3814 | Bùi Ngọc         | Hà    | 05/11/2004 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 232 | CNTT3815 | Bùi Hoàng        | Hải   | 01/10/2006 | Hòa Bình    | Nam       | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 233 | CNTT3816 | Trần Mỹ          | Hạnh  | 03/08/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 234 | CNTT3817 | Bùi Thị Thu      | Hiền  | 22/05/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 235 | CNTT3818 | Bùi Anh          | Hiếu  | 06/04/2006 | Tuyên Quang | Nam       | 5,5         | 7,5       | Đạt     |          |
| 236 | CNTT3819 | Bùi Minh         | Hiếu  | 08/10/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 237 | CNTT3820 | Bùi Trung        | Hiếu  | 21/09/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |          |
| 238 | CNTT3821 | Nguyễn Thị Khánh | Hòa   | 07/09/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 239 | CNTT3822 | Bùi Thu          | Hoài  | 28/07/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 240 | CNTT3823 | Nguyễn Huy       | Hoàng | 06/12/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,5         | 7,5       | Đạt     |          |
| 241 | CNTT3824 | Đinh Thanh Kim   | Huệ   | 09/09/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 242 | CNTT3825 | Bùi Đức          | Huy   | 23/05/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,7         | 6,5       | Đạt     |          |
| 243 | CNTT3826 | Nguyễn Phương    | Huyền | 17/09/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 244 | CNTT3827 | Đàm Ngọc         | Hưng  | 20/02/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |          |
| 245 | CNTT3828 | Lưu Đình         | Khánh | 02/08/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 246 | CNTT3829 | Nguyễn Văn       | Khánh | 28/07/2005 | Hòa Bình    | Nam       | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 247 | CNTT3830 | Trương Trí       | Kiên  | 30/05/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |          |

| TT  | SBD      | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|--------|------------|-------------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                |        |            |             |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 248 | CNTT3831 | Nguyễn Duy     | Lập    | 23/04/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 249 | CNTT3832 | Đinh Thị       | Linh   | 24/06/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,0         | 7,5       | Đạt     |         |
| 250 | CNTT3833 | Hồ Khánh       | Linh   | 25/02/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 251 | CNTT3834 | Lê Vũ Khánh    | Linh   | 20/06/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 252 | CNTT3835 | Nguyễn Mai     | Linh   | 14/03/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 253 | CNTT3836 | Nguyễn Thị     | Linh   | 02/04/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 254 | CNTT3837 | Nguyễn Thị     | Mai    | 18/11/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 255 | CNTT3838 | Lê Nhật        | Minh   | 21/07/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 256 | CNTT3839 | Lê Hoài        | Nam    | 06/03/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 257 | CNTT3840 | Bùi Thị        | Nga    | 06/04/1974 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,0         | 8,0       | Đạt     |         |
| 258 | CNTT3841 | Lê Phương      | Nga    | 14/09/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,7         | 8,0       | Đạt     |         |
| 259 | CNTT3842 | Đinh Đức       | Nguyên | 24/12/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 260 | CNTT3843 | Bùi Thị Minh   | Nguyệt | 25/09/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 261 | CNTT3844 | Đinh Thị Anh   | Nguyệt | 15/09/2005 | Tuyên Quang | Nữ        | 5,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 262 | CNTT3845 | Lương Ánh      | Nguyệt | 20/05/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 263 | CNTT3846 | Bùi Hoàng      | Phúc   | 17/01/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 264 | CNTT3847 | Nguyễn Thị Nam | Phương | 13/03/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 265 | CNTT3848 | Nguyễn Thị Thu | Phương | 19/05/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 266 | CNTT3849 | Đặng Văn       | Quang  | 26/04/1983 | Hòa Bình    | Nam       | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 267 | CNTT3850 | Bùi Minh       | Quân   | 26/06/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 5,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 268 | CNTT3851 | Bùi Minh       | Quân   | 26/11/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 269 | CNTT3852 | Nguyễn Minh    | Quân   | 11/04/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 270 | CNTT3853 | Bùi Thị Lệ     | Quyên  | 21/10/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 271 | CNTT3854 | Nguyễn Lệ      | Quyên  | 12/07/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,2         | 7,5       | Đạt     |         |
| 272 | CNTT3855 | Dương Minh     | Sơn    | 23/04/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 5,7         | 7,5       | Đạt     |         |
| 273 | CNTT3856 | Dương Huy      | Thái   | 17/04/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 5,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 274 | CNTT3857 | Bùi Thị Phương | Thanh  | 05/12/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,0         | 7,0       | Đạt     |         |
| 275 | CNTT3858 | Bùi Chung      | Thành  | 10/09/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,7         | 8,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 276 | CNTT3859 | Châu Vĩnh      | Thành  | 24/12/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 277 | CNTT3860 | Bùi Thị Phương | Thảo   | 12/09/1989 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 7,5       | Đạt     |         |
| 278 | CNTT3861 | Trần Phương    | Thảo   | 21/08/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 279 | CNTT3862 | Hoàng Công     | Thế    | 05/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 280 | CNTT3863 | Bùi Quang      | Thống  | 13/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 281 | CNTT3864 | Đoàn Thị Hoài  | Thu    | 22/10/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 282 | CNTT3865 | Nguyễn Văn     | Thuận  | 06/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,0         | 7,5       | Đạt     |         |
| 283 | CNTT3866 | Đinh Thị       | Thùy   | 24/06/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 284 | CNTT3867 | Bùi Đỗ Dương   | Tình   | 29/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 285 | CNTT3868 | Bùi Ngọc Huyền | Trang  | 24/11/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 5,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 286 | CNTT3869 | Lương Thùy     | Trang  | 29/11/2003 | Hòa Bình | Nữ        | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 287 | CNTT3870 | Nguyễn Huyền   | Trang  | 21/02/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 5,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 288 | CNTT3871 | Trần Thị Huyền | Trang  | 23/09/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 289 | CNTT3872 | Vũ Quỳnh       | Trang  | 12/10/2000 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 290 | CNTT3873 | Chu Thành      | Trung  | 04/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 291 | CNTT3874 | Đinh Văn       | Trường | 23/08/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 292 | CNTT3875 | Lê Văn         | Trường | 13/02/1982 | Hà Nội   | Nam       | 6,7         | 8,0       | Đạt     |         |
| 293 | CNTT3876 | Nguyễn Anh     | Tú     | 04/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 294 | CNTT3877 | Nguyễn Thành   | Tuấn   | 16/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 295 | CNTT3878 | Trần Quốc      | Tuấn   | 12/01/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 296 | CNTT3879 | Quách Hoàng    | Tùng   | 18/09/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 297 | CNTT3880 | Nguyễn Cát     | Tường  | 07/07/2004 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 298 | CNTT3881 | Bùi Trọng      | Vũ     | 15/12/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 299 | CNTT3882 | Bùi Thị        | Xuân   | 04/01/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 300 | CNTT3883 | Bùi Mạnh       | Anh    | 13/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 301 | CNTT3884 | Bùi Thế        | Anh    | 14/12/2004 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 302 | CNTT3885 | Bùi Thế        | Anh    | 29/11/2001 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 303 | CNTT3886 | Bùi Tuấn       | Anh    | 01/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                  |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 304 | CNTT3887 | Bùi Xuân Ban     | 04/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 305 | CNTT3888 | Bùi Ngọc Bảo     | 06/01/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 306 | CNTT3889 | Bùi Xuân Bảo     | 07/04/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 307 | CNTT3890 | Quách Chí Bảo    | 26/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 308 | CNTT3891 | Quách Xuân Bắc   | 26/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 309 | CNTT3892 | Trần Tuấn Bông   | 18/12/2004 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 6,5       | Đạt       |         |
| 310 | CNTT3893 | Bùi Minh Chiến   | 28/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 311 | CNTT3894 | Hà Minh Chiến    | 20/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 312 | CNTT3895 | Nguyễn Đức Chung | 24/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 313 | CNTT3896 | Bùi Văn Cương    | 26/02/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 314 | CNTT3897 | Bùi Mạnh Cường   | 05/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 315 | CNTT3898 | Quách Khương Duy | 15/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 316 | CNTT3899 | Bùi Anh Đại      | 22/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 317 | CNTT3900 | Bùi Đình Đại     | 31/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 318 | CNTT3901 | Quách Di Điệp    | 04/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | -           | 3,0       | Không đạt |         |
| 319 | CNTT3902 | Trần Tuấn Điệp   | 11/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 320 | CNTT3903 | Bùi Thị Đông     | 12/02/2002 | Hòa Bình | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 321 | CNTT3904 | Bùi Minh Đức     | 14/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 322 | CNTT3905 | Bùi Văn Đức      | 12/04/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 323 | CNTT3906 | Bùi Quốc Hà      | 16/12/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 324 | CNTT3907 | Đinh Sơn Hải     | 01/09/2004 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 325 | CNTT3908 | Bùi Thị Hân      | 04/08/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 326 | CNTT3909 | Bùi Thị Minh Hòa | 19/09/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 327 | CNTT3910 | Bùi Văn Hòa      | 02/03/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 328 | CNTT3911 | Dương Nhật Hoàng | 18/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 329 | CNTT3912 | Quách Công Hoàng | 13/04/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 330 | CNTT3913 | Quách Văn Hồng   | 06/01/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 331 | CNTT3914 | Phạm Kim Huệ     | 22/09/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                     |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 332 | CNTT3915 | Quách Thế Hùng      | 08/06/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 333 | CNTT3916 | Bùi Quang Huy       | 28/07/2004 | Hòa Bình | Nam       | -           | 3,5       | Không đạt |         |
| 334 | CNTT3917 | Bùi Mai Hương       | 27/10/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 335 | CNTT3918 | Quách Duy Khánh     | 01/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 336 | CNTT3919 | Bùi Mạnh Khuê       | 29/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 337 | CNTT3920 | Quách Trung Kiên    | 10/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 338 | CNTT3921 | Bùi Thị Hương Lan   | 06/06/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 339 | CNTT3922 | Bùi Ngọc Linh       | 22/09/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 340 | CNTT3923 | Bùi Hoàng Long      | 17/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 341 | CNTT3924 | Bùi Đức Lộc         | 12/04/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 342 | CNTT3925 | Bùi Xuân Lộc        | 22/12/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 343 | CNTT3926 | Bùi Văn Luận        | 20/01/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 344 | CNTT3927 | Quách Đình Lực      | 22/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 345 | CNTT3928 | Bùi Đức Lương       | 07/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 346 | CNTT3929 | Bùi Duy Mạnh        | 24/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 347 | CNTT3930 | Bùi Thế Mạnh        | 23/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 348 | CNTT3931 | Bùi Tuấn Mạnh       | 23/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 349 | CNTT3932 | Nguyễn Tiến Mạnh    | 07/10/2004 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 350 | CNTT3933 | Quách Công Minh     | 15/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 351 | CNTT3934 | Bùi Phương Nam      | 01/02/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 352 | CNTT3935 | Bùi Thị Hằng Nga    | 24/11/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 353 | CNTT3936 | Bùi Thị Quỳnh Nghĩa | 23/11/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 354 | CNTT3937 | Quách Thị Nghĩa     | 18/01/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 355 | CNTT3938 | Bùi Hoàng Nhật      | 28/07/2004 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 356 | CNTT3939 | Bùi Thị Kim Oanh    | 19/05/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 357 | CNTT3940 | Bùi Quang Phúc      | 18/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 358 | CNTT3941 | Bùi Tiến Phương     | 30/01/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 359 | CNTT3942 | Bùi Duy Quang       | 21/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,5         | 6,0       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                   |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 360 | CNTT3943 | Bùi Văn Quang     | 11/01/2004 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 361 | CNTT3944 | Bùi Minh Quân     | 09/12/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 362 | CNTT3945 | Bùi Hương Quế     | 28/03/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 363 | CNTT3946 | Bùi Lệ Quyên      | 27/10/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 364 | CNTT3947 | Đinh Công Sượng   | 25/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 365 | CNTT3948 | Bùi Đức Tài       | 18/02/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 366 | CNTT3949 | Bùi Tuấn Tài      | 15/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 367 | CNTT3950 | Bùi Văn Tài       | 12/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 8,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 368 | CNTT3951 | Bùi Minh Tấn      | 16/06/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 369 | CNTT3952 | Bùi Duy Thái      | 08/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | -           | 2,5       | Không đạt |         |
| 370 | CNTT3953 | Bùi Tuấn Thành    | 22/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 371 | CNTT3954 | Quách Công Thành  | 24/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 372 | CNTT3955 | Bùi Anh Thế       | 30/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 373 | CNTT3956 | Bùi Duy Thương    | 16/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 374 | CNTT3957 | Bùi Thị Hồng Tiến | 08/03/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 7,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 375 | CNTT3958 | Đinh Công Tình    | 19/09/2004 | Hòa Bình | Nam       | 5,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 376 | CNTT3959 | Bùi Mạnh Toàn     | 21/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 377 | CNTT3960 | Bùi Ngọc Trâm     | 25/08/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 378 | CNTT3961 | Bùi Văn Tú        | 01/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 379 | CNTT3962 | Đinh Công Tuấn    | 25/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | -           | 3,5       | Không đạt |         |
| 380 | CNTT3963 | Quách Thị Xuân    | 07/01/2004 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 381 | CNTT3964 | Bùi Duy Bảo       | 03/08/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 6,5       | Đạt       |         |
| 382 | CNTT3965 | Bùi Văn Bảo       | 05/06/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 383 | CNTT3966 | Bùi Ngọc Bắc      | 14/10/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 384 | CNTT3967 | Bùi Văn Bằng      | 06/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 385 | CNTT3968 | Bùi Văn Bình      | 13/10/2004 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 386 | CNTT3969 | Bùi Thanh Cảnh    | 27/12/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 6,5       | Đạt       |         |
| 387 | CNTT3970 | Bùi Thị Cảnh      | 23/10/2004 | Hoà Bình | Nữ        | 5,5         | 6,0       | Đạt       |         |



| TT  | SBD      | Họ và tên          |  | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|--|------------|----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                    |  |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 388 | CNTT3971 | Bùi Thị Chiên      |  | 06/10/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 389 | CNTT3972 | Bùi Thị Chinh      |  | 12/02/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,0         | 6,5       | Đạt     |         |
| 390 | CNTT3973 | Bùi Văn Chính      |  | 20/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 391 | CNTT3974 | Bùi Thanh Chúc     |  | 15/06/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 392 | CNTT3975 | Bùi Hùng Cường     |  | 05/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 393 | CNTT3976 | Bùi Thị Huyền Diệu |  | 28/05/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 394 | CNTT3977 | Bùi Thị Kim Diệu   |  | 13/11/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,7         | 6,5       | Đạt     |         |
| 395 | CNTT3978 | Bùi Thị Thu Diệu   |  | 01/12/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 396 | CNTT3979 | Bùi Mạnh Dũng      |  | 07/12/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 397 | CNTT3980 | Bùi Bảo Duy        |  | 04/06/2006 | Hòa Bình | Nam       | 7,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 398 | CNTT3981 | Bùi Quốc Duy       |  | 22/09/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 399 | CNTT3982 | Bùi Đình Dương     |  | 28/08/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 400 | CNTT3983 | Bùi Tùng Dương     |  | 08/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 401 | CNTT3984 | Bùi Tùng Dương     |  | 24/06/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 402 | CNTT3985 | Quách Công Đạt     |  | 09/07/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 403 | CNTT3986 | Bùi Văn Đăng       |  | 30/09/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 404 | CNTT3987 | Bùi Văn Đông       |  | 06/02/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 405 | CNTT3988 | Bùi Văn Đức        |  | 02/02/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 406 | CNTT3989 | Bùi Sơn Hà         |  | 19/10/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 407 | CNTT3990 | Bùi Thị Huyền Hậu  |  | 03/03/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 408 | CNTT3991 | Bùi Thị Hoa        |  | 25/09/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 409 | CNTT3992 | Bùi Văn Hoàng      |  | 22/10/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 410 | CNTT3993 | Quách Phương Hoàng |  | 20/09/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 411 | CNTT3994 | Bùi Văn Học        |  | 14/08/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 412 | CNTT3995 | Đinh Thị Huệ       |  | 07/11/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 413 | CNTT3996 | Bùi Quang Huy      |  | 19/07/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 414 | CNTT3997 | Bùi Thị Huyền      |  | 14/10/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 415 | CNTT3998 | Bùi Thị Huyền      |  | 18/06/2004 | Hoà Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |



| TT  | SBD      | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 416 | CNTT3999 | Đỗ Thanh       | Huyền  | 11/09/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 417 | CNTT4000 | Bùi Duy        | Hưng   | 21/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 418 | CNTT4001 | Bùi Văn        | Hưng   | 08/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 419 | CNTT4002 | Nguyễn Thị Thu | Hương  | 03/09/1995 | Hòa Bình | Nữ        | 8,5         | 8,0       | Đạt     |         |
| 420 | CNTT4003 | Bùi Đình       | Khang  | 09/07/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 421 | CNTT4004 | Bùi Gia        | Khánh  | 23/08/2005 | Hòa Bình | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 422 | CNTT4005 | Hà Duy         | Khánh  | 16/12/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 423 | CNTT4006 | Hoàng Văn      | Khánh  | 08/12/2004 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 424 | CNTT4007 | Bùi Văn        | Lâm    | 10/08/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 425 | CNTT4008 | Nguyễn Khánh   | Linh   | 13/09/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 8,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 426 | CNTT4009 | Phạm Khánh     | Linh   | 19/03/2006 | Hòa Bình | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 427 | CNTT4010 | Bùi Văn        | Long   | 12/12/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 428 | CNTT4011 | Bùi Đức        | Lộc    | 19/12/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 429 | CNTT4012 | Bùi Văn        | Lộc    | 02/02/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 430 | CNTT4013 | Bùi Văn        | Lương  | 10/10/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 431 | CNTT4014 | Trần Đức       | Lương  | 18/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 432 | CNTT4015 | Bùi Hoàng      | Ly     | 28/05/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 433 | CNTT4016 | Bùi Ngọc       | Mai    | 27/04/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 434 | CNTT4017 | Bùi Văn        | Mạnh   | 12/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 435 | CNTT4018 | Bùi Thanh      | Minh   | 27/07/2004 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 436 | CNTT4019 | Bùi Thị Trà    | My     | 05/01/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 437 | CNTT4020 | Bùi Văn        | Nam    | 06/09/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 438 | CNTT4021 | Phạm Văn       | Năm    | 09/08/2004 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 439 | CNTT4022 | Quách Thị Hồng | Ngân   | 15/12/1994 | Hòa Bình | Nữ        | 8,0         | 8,5       | Đạt     |         |
| 440 | CNTT4023 | Bùi Minh       | Ngoan  | 21/08/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 441 | CNTT4024 | Bùi Thị        | Ngọc   | 22/07/2004 | Hòa Bình | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 442 | CNTT4025 | Bùi Văn        | Ngọc   | 18/04/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 443 | CNTT4026 | Bùi Văn        | Nguyên | 07/05/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên     |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |               |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 444 | CNTT4027 | Thân Thanh    | Nhài   | 14/01/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 445 | CNTT4028 | Bùi Thanh     | Nhật   | 20/06/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 446 | CNTT4029 | Bùi Thị Yên   | Nhi    | 20/10/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 447 | CNTT4030 | Bùi Thị Tuyết | Nhung  | 23/01/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 448 | CNTT4031 | Quách Đại     | Ninh   | 06/12/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 449 | CNTT4032 | Bùi Thị       | Nưng   | 10/02/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 450 | CNTT4033 | Bùi Thị Hiền  | Oanh   | 10/09/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 451 | CNTT4034 | Quách Văn     | Phong  | 27/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 452 | CNTT4035 | Trần Văn      | Phong  | 16/09/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 453 | CNTT4036 | Bùi Thu       | Phương | 05/11/2005 | Hòa Bình | Nữ        | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 454 | CNTT4037 | Bùi Xuân      | Phương | 02/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 455 | CNTT4038 | Bùi Thị       | Phượng | 10/05/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 456 | CNTT4039 | Bùi Minh      | Quân   | 31/07/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 457 | CNTT4040 | Bùi Minh      | Quân   | 12/11/2005 | Hòa Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 458 | CNTT4041 | Bùi Minh      | Quân   | 25/02/2006 | Hòa Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 459 | CNTT4042 | Quách Văn     | Quân   | 14/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 460 | CNTT4043 | Quách Đình    | Quyết  | 22/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 461 | CNTT4044 | Bùi Văn       | Sắc    | 15/10/2005 | Hòa Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 462 | CNTT4045 | Bùi Duy       | Sơn    | 24/10/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 463 | CNTT4046 | Bùi Văn       | Tài    | 08/12/2004 | Hoà Bình | Nam       | 5,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 464 | CNTT4047 | Bùi Văn       | Tài    | 15/05/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 465 | CNTT4048 | Bùi Văn       | Tạo    | 11/02/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 466 | CNTT4049 | Bùi Minh      | Thành  | 15/01/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 467 | CNTT4050 | Vũ Tiến       | Thành  | 30/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 468 | CNTT4051 | Quách Thu     | Thảo   | 02/11/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 469 | CNTT4052 | Bùi Mạnh      | Thắng  | 24/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 470 | CNTT4053 | Đình Đức      | Thắng  | 02/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 471 | CNTT4054 | Bùi Ngọc      | Thiện  | 19/01/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên   |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú  |
|-----|----------|-------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|---------|----------|
|     |          |             |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |          |
| 472 | CNTT4055 | Bùi Tiến    | Thông  | 18/05/2004 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |          |
| 473 | CNTT4056 | Bùi Thị     | Thu    | 25/12/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 474 | CNTT4057 | Nguyễn Hải  | Thuần  | 15/05/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 475 | CNTT4058 | Bùi Văn     | Thuận  | 17/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 476 | CNTT4059 | Bùi Văn     | Thứ    | 08/07/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |          |
| 477 | CNTT4060 | Bùi Thành   | Trung  | 20/08/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |          |
| 478 | CNTT4061 | Quách Trọng | Tuân   | 28/02/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 479 | CNTT4062 | Bùi Văn     | Tuấn   | 06/12/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |          |
| 480 | CNTT4063 | Quách Thị   | Uyên   | 27/06/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 481 | CNTT4064 | Bùi Thị     | Vạn    | 12/04/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 482 | CNTT4065 | Cao Việt    | Vũ     | 22/04/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |          |
| 483 | CNTT4066 | Bùi Thị Kim | Anh    | 08/10/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |          |
| 484 | CNTT4067 | Đinh Tuấn   | Anh    | 27/06/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |          |
| 485 | CNTT4068 | Quách Việt  | Anh    | 10/12/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |          |
| 486 | CNTT4069 | Trần Hoàng  | Bách   | 30/05/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |          |
| 487 | CNTT4070 | Bùi Gia     | Bảo    | 24/10/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 488 | CNTT4071 | Bùi Gia     | Bảo    | 06/04/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 489 | CNTT4072 | Quách Đại   | Chà    | 12/12/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 490 | CNTT4073 | Đinh Thanh  | Chinh  | 07/03/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 491 | CNTT4074 | Nguyễn Quốc | Chung  | 02/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 492 | CNTT4075 | Quách Chính | Chuyên | 05/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 493 | CNTT4076 | Bùi Mạnh    | Cường  | 20/12/2005 | Hoà Bình | Nam       | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 494 | CNTT4077 | Bùi Đức     | Dũng   | 30/08/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |          |
| 495 | CNTT4078 | Trần Mạnh   | Dũng   | 31/08/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |          |
| 496 | CNTT4079 | Bùi Khánh   | Dương  | 02/06/2006 | Hoà Bình | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt     |          |
| 497 | CNTT4080 | Bùi Tùng    | Dương  | 30/06/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |          |
| 498 | CNTT4081 | Bùi Văn Hải | Dương  | 10/09/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 499 | CNTT4082 | Bùi Thành   | Đạt    | 05/12/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |          |

| TT  | SBD      | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú  |
|-----|----------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|-------------|-----------|---------|----------|
|     |          |                 |       |            |            |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |          |
| 500 | CNTT4083 | Đinh Thị        | Điệp  | 13/09/2006 | Hoà Bình   | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt     |          |
| 501 | CNTT4084 | Quách Văn       | Đoàn  | 10/04/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 502 | CNTT4085 | Bùi Hải         | Hà    | 26/12/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 503 | CNTT4086 | Bùi Quang       | Hà    | 18/01/2006 | Hoà Bình   | Nam       | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 504 | CNTT4087 | Bùi Thị         | Hà    | 25/02/2006 | Hoà Bình   | Nữ        | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 505 | CNTT4088 | Bùi Văn         | Hậu   | 28/09/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 506 | CNTT4089 | Phạm Đức        | Hiền  | 18/04/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |          |
| 507 | CNTT4090 | Bùi Thị         | Hiếu  | 10/02/2005 | Hoà Bình   | Nữ        | -           | -         | -       | Vắng thi |
| 508 | CNTT4091 | Bùi Thị         | Hoài  | 17/10/2005 | Hoà Bình   | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 509 | CNTT4092 | Bùi Đình        | Hoàng | 07/11/2006 | Sơn La     | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 510 | CNTT4093 | Bùi Lê          | Hoàng | 13/12/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 8,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 511 | CNTT4094 | Bùi Văn         | Hoàng | 23/09/2006 | Hoà Bình   | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 512 | CNTT4095 | Trịnh Thị Ánh   | Hồng  | 25/01/2006 | Hoà Bình   | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |          |
| 513 | CNTT4096 | Đinh Văn        | Huân  | 03/10/2006 | Hoà Bình   | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |          |
| 514 | CNTT4097 | Bùi Mạnh        | Hùng  | 28/03/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |          |
| 515 | CNTT4098 | Nguyễn Bá       | Huy   | 20/02/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |          |
| 516 | CNTT4099 | Quách Văn       | Huy   | 01/07/2006 | Hoà Bình   | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 517 | CNTT4100 | Vũ Phương       | Huy   | 21/05/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 518 | CNTT4101 | Bùi Thị         | Hường | 03/09/2006 | Hoà Bình   | Nữ        | 6,0         | 5,0       | Đạt     |          |
| 519 | CNTT4102 | Cần Thị         | Hường | 29/11/2006 | Hoà Bình   | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt     |          |
| 520 | CNTT4103 | Đinh Hoàng      | Kỳ    | 29/01/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |          |
| 521 | CNTT4104 | Bùi Thị Hương   | Lan   | 16/09/2006 | Hoà Bình   | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |          |
| 522 | CNTT4105 | Quách Hoàng     | Lăng  | 18/11/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 523 | CNTT4106 | Bùi Hải         | Lâm   | 22/09/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |          |
| 524 | CNTT4107 | Bùi Văn         | Lập   | 02/10/2003 | Hoà Bình   | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt     |          |
| 525 | CNTT4108 | Bùi Văn         | Lệ    | 26/07/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |          |
| 526 | CNTT4109 | Nguyễn Thị Thùy | Linh  | 19/05/2006 | Bình Phước | Nữ        | 6,0         | 6,0       | Đạt     |          |
| 527 | CNTT4110 | Bùi Văn         | Long  | 21/02/2005 | Hoà Bình   | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |          |

| TT  | SBD      | Họ và tên    |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|--------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |              |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 528 | CNTT4111 | Bùi Đức      | Luân   | 23/06/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 529 | CNTT4112 | Nguyễn Thành | Luân   | 20/01/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 530 | CNTT4113 | Bùi Văn      | Luân   | 07/07/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 531 | CNTT4114 | Bùi Thế      | Lự     | 06/10/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 532 | CNTT4115 | Bùi Khánh    | Ly     | 23/09/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 533 | CNTT4116 | Bùi Thị      | Ly     | 26/05/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 534 | CNTT4117 | Nguyễn Thị   | Mai    | 30/06/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 535 | CNTT4118 | Quách Huyền  | Mai    | 05/09/2006 | Hoà Bình | Nữ        | -           | 2,5       | Không đạt |         |
| 536 | CNTT4119 | Bùi Đức      | Mạnh   | 06/09/2006 | Hoà Bình | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 537 | CNTT4120 | Bùi Văn      | Mạnh   | 08/09/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 538 | CNTT4121 | Nguyễn Bá    | Minh   | 25/07/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 539 | CNTT4122 | Vũ Ngọc      | Minh   | 24/11/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 540 | CNTT4123 | Bùi Thị Trà  | My     | 25/03/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 541 | CNTT4124 | Nguyễn Trà   | My     | 29/01/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 542 | CNTT4125 | Bùi Trọng    | Nam    | 22/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 543 | CNTT4126 | Bùi Văn      | Ngành  | 07/08/2001 | Hoà Bình | Nam       | 8,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 544 | CNTT4127 | Bùi Minh     | Nghĩa  | 21/03/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 545 | CNTT4128 | Lưu Bảo      | Ngọc   | 21/06/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 546 | CNTT4129 | Nguyễn Thị   | Ngọc   | 19/12/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 547 | CNTT4130 | Bùi Trung    | Nguyên | 08/10/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 548 | CNTT4131 | Dương Thị    | Nguyên | 23/05/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 549 | CNTT4132 | Bùi Thị      | Nguyệt | 20/09/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 550 | CNTT4133 | Bùi Thị      | Nhàn   | 18/06/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 551 | CNTT4134 | Đinh Văn     | Nhất   | 08/09/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 552 | CNTT4135 | Bùi Văn      | Nhu    | 17/05/2005 | Hoà Bình | Nam       | 8,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 553 | CNTT4136 | Bùi Thị Cẩm  | Nhung  | 22/09/2006 | Hoà Bình | Nữ        | -           | 3,0       | Không đạt |         |
| 554 | CNTT4137 | Bùi Thị Kim  | Oanh   | 05/09/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 555 | CNTT4138 | Bùi Văn      | Phan   | 31/03/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 556 | CNTT4139 | Quách Bảo      | Phúc   | 17/04/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 557 | CNTT4140 | Bùi Thị        | Phùng  | 21/08/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 558 | CNTT4141 | Phạm Thị Mai   | Phương | 24/08/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 559 | CNTT4142 | Đinh Văn       | Quyết  | 07/09/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 560 | CNTT4143 | Nguyễn Xuân    | Quỳnh  | 13/05/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 561 | CNTT4144 | Bùi Quang      | Sáng   | 07/07/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 562 | CNTT4145 | Bùi Văn        | Sinh   | 12/02/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 563 | CNTT4146 | Phạm Thanh     | Sơn    | 27/01/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 564 | CNTT4147 | Quách Ngọc     | Sơn    | 10/07/2006 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 565 | CNTT4148 | Bùi Văn        | Sư     | 30/08/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 566 | CNTT4149 | Bùi Văn        | Sử     | 01/05/2005 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 567 | CNTT4150 | Bùi Thị        | Tâm    | 10/11/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 568 | CNTT4151 | Bùi Thị        | Tâm    | 12/06/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 569 | CNTT4152 | Bùi Thị        | Thanh  | 22/08/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 570 | CNTT4153 | Bùi Thị        | Thanh  | 13/09/2006 | Hoà Bình | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 571 | CNTT4154 | Bùi Tiến       | Thành  | 09/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 572 | CNTT4155 | Bùi Văn        | Thành  | 09/09/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 573 | CNTT4156 | Bùi Thị Phương | Thảo   | 08/08/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 574 | CNTT4157 | Bùi Văn        | Thảo   | 05/10/2006 | Hoà Bình | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 575 | CNTT4158 | Bùi Văn        | Thắng  | 16/05/2006 | Hoà Bình | Nam       | 5,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 576 | CNTT4159 | Bùi Văn        | Thiệu  | 01/11/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 577 | CNTT4160 | Bùi Lệ         | Thu    | 06/05/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 578 | CNTT4161 | Bùi Thị        | Thu    | 16/09/2005 | Hoà Bình | Nữ        | 5,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 579 | CNTT4162 | Bùi Văn        | Thuân  | 21/02/2006 | Hoà Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 580 | CNTT4163 | Bùi Minh       | Thuận  | 13/06/2005 | Hoà Bình | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 581 | CNTT4164 | Bùi Văn        | Thuận  | 05/04/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 582 | CNTT4165 | Bùi Thị Minh   | Thư    | 10/07/2006 | Hoà Bình | Nữ        | -           | 3,5       | Không đạt |         |
| 583 | CNTT4166 | Bùi Văn        | Thức   | 02/09/2005 | Hoà Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |



| TT  | SBD      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------|--------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                 |        |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 584 | CNTT4167 | Bùi Văn         | Thước  | 27/02/2005 | Hoà Bình  | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 585 | CNTT4168 | Bùi Mạnh        | Thường | 19/10/2005 | Hoà Bình  | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 586 | CNTT4169 | Bùi Văn         | Thường | 31/08/2006 | Hoà Bình  | Nam       | -           | 3,5       | Không đạt |         |
| 587 | CNTT4170 | Bùi Thanh       | Tiến   | 31/05/2006 | Hoà Bình  | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 588 | CNTT4171 | Bùi Văn         | Trí    | 23/12/2005 | Hoà Bình  | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 589 | CNTT4172 | Nguyễn Văn      | Trọng  | 07/05/2005 | Hoà Bình  | Nam       | 7,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 590 | CNTT4173 | Bùi Anh         | Tuấn   | 02/08/2004 | Hoà Bình  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 591 | CNTT4174 | Đinh Quốc       | Tuấn   | 09/11/2006 | Hoà Bình  | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 592 | CNTT4175 | Bùi Thanh       | Tùng   | 05/12/2006 | Hoà Bình  | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 593 | CNTT4176 | Bùi Thanh       | Tùng   | 30/10/2005 | Hoà Bình  | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 594 | CNTT4177 | Bùi Thị Ánh     | Tuyết  | 10/04/2006 | Hoà Bình  | Nữ        | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 595 | CNTT4178 | Bùi Duy         | Tường  | 01/10/2006 | Hoà Bình  | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 596 | CNTT4179 | Đặng Hoài       | Văn    | 27/04/2006 | Hoà Bình  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 597 | CNTT4180 | Dương Hồng      | Văn    | 07/02/2006 | Hoà Bình  | Nam       | 7,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 598 | CNTT4181 | Dương Tuấn      | Văn    | 16/09/2005 | Hoà Bình  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 599 | CNTT4182 | Bùi Thị         | Vi     | 21/09/2006 | Hoà Bình  | Nữ        | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 600 | CNTT4183 | Bùi Thị         | Vi     | 19/09/2005 | Hoà Bình  | Nữ        | -           | 4,5       | Không đạt |         |
| 601 | CNTT4184 | Nguyễn Nhật     | Vi     | 09/09/2006 | Hoà Bình  | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 602 | CNTT4185 | Chương Hoàng    | Vũ     | 26/06/2006 | Hoà Bình  | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 603 | CNTT4186 | Bùi Thị         | Vui    | 23/09/2006 | Hoà Bình  | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 604 | CNTT4187 | Bùi Thị         | Xanh   | 14/02/2005 | Hoà Bình  | Nữ        | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 605 | CNTT4188 | Nguyễn Huyền    | An     | 02/01/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 606 | CNTT4189 | Bùi Tuấn        | Anh    | 18/05/2004 | Thanh Hóa | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 607 | CNTT4190 | Hoàng Đức       | Anh    | 20/09/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 608 | CNTT4191 | Lê Hoàng        | Anh    | 28/12/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 609 | CNTT4192 | Lường Việt      | Anh    | 03/11/2005 | Sơn La    | Nam       | 5,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 610 | CNTT4193 | Nguyễn Thị Lan  | Anh    | 22/04/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 611 | CNTT4194 | Nguyễn Thị Minh | Anh    | 20/04/2005 | Hà Nam    | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------|-------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                 |       |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 612 | CNTT4195 | Phạm Thị Quỳnh  | Anh   | 17/09/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 613 | CNTT4196 | Phạm Tuấn       | Anh   | 01/01/2006 | Thanh Hóa | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 614 | CNTT4197 | Thào Lao Tuấn   | Anh   | 13/11/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 615 | CNTT4198 | Vi Thị Ngọc     | Anh   | 13/10/2005 | Thanh Hóa | Nữ        | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 616 | CNTT4199 | Nguyễn Ngọc     | Ánh   | 11/08/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 617 | CNTT4200 | Nguyễn Thị Hồng | Ánh   | 23/04/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 618 | CNTT4201 | Nguyễn Thị Hồng | Ánh   | 19/09/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 619 | CNTT4202 | Phan Ngọc       | Ánh   | 31/05/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 620 | CNTT4203 | Trịnh Xuân      | Bách  | 10/07/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 621 | CNTT4204 | Bùi Xuân        | Bản   | 29/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 622 | CNTT4205 | Vi Văn          | Bảo   | 11/04/2005 | Sơn La    | Nam       | 5,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 623 | CNTT4206 | Đinh Xuân       | Bắc   | 15/08/2004 | Ninh Bình | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 624 | CNTT4207 | Bùi Đức         | Biên  | 09/02/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 625 | CNTT4208 | Bùi Văn         | Bình  | 04/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 626 | CNTT4209 | Nguyễn Thanh    | Bình  | 18/03/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt       |         |
| 627 | CNTT4210 | Phạm Bá         | Bình  | 22/12/2004 | Thanh Hóa | Nam       | 7,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 628 | CNTT4211 | Phạm Thanh      | Bình  | 11/01/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt       |         |
| 629 | CNTT4212 | Trần Văn        | Cải   | 09/10/2005 | Hà Tây    | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt       |         |
| 630 | CNTT4213 | Ngân Xuân       | Cảnh  | 29/08/2006 | Sơn La    | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt       |         |
| 631 | CNTT4214 | Bùi Công        | Cần   | 06/09/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 632 | CNTT4215 | Mong Trọng      | Cầu   | 10/04/2006 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 633 | CNTT4216 | Lừ Thị          | Châm  | 22/09/2005 | Sơn La    | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 634 | CNTT4217 | Bùi Diệu        | Châu  | 15/02/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 635 | CNTT4218 | Bùi Trần Khánh  | Châu  | 24/07/2005 | Sơn La    | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 636 | CNTT4219 | Bùi Công        | Chiến | 29/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,7         | 6,5       | Đạt       |         |
| 637 | CNTT4220 | Bùi Đức         | Chiến | 29/06/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 6,5       | Đạt       |         |
| 638 | CNTT4221 | Hà Văn          | Chiều | 11/11/2004 | Thanh Hóa | Nam       | -           | 4,0       | Không đạt |         |
| 639 | CNTT4222 | Bùi Văn         | Chính | 15/06/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,5         | 6,5       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên    |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|--------------|--------|------------|-------------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |              |        |            |             |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 640 | CNTT4223 | Bùi Xuân     | Chính  | 23/07/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 641 | CNTT4224 | Len Thị      | Chuyên | 12/02/2005 | Thanh Hóa   | Nữ        | 7,0         | 6,5       | Đạt       |         |
| 642 | CNTT4225 | Đặng Thị     | Cối    | 18/12/2005 | Tuyên Quang | Nữ        | 6,7         | 6,5       | Đạt       |         |
| 643 | CNTT4226 | Bùi Đình     | Công   | 01/10/2005 | Thanh Hóa   | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 644 | CNTT4227 | Bùi Mạnh     | Cường  | 21/09/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 645 | CNTT4228 | Bùi Văn      | Danh   | 15/02/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 646 | CNTT4229 | Sùng A       | Dao    | 16/08/2005 | Sơn La      | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 647 | CNTT4230 | Giàng A      | Dế     | 12/11/2006 | Thanh Hóa   | Nam       | 5,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 648 | CNTT4231 | Nguyễn Hoàng | Diễm   | 22/05/2005 | Thanh Hóa   | Nữ        | -           | 4,0       | Không đạt |         |
| 649 | CNTT4232 | Bùi Văn      | Duẩn   | 14/03/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt       |         |
| 650 | CNTT4233 | Bùi Thị      | Dung   | 23/05/1991 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,7         | 8,0       | Đạt       |         |
| 651 | CNTT4234 | Lê Thị       | Dung   | 28/09/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,5         | 7,5       | Đạt       |         |
| 652 | CNTT4235 | Len Thị Thùy | Dung   | 23/10/2005 | Thanh Hóa   | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 653 | CNTT4236 | Bùi Văn      | Duy    | 21/01/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 654 | CNTT4237 | Đinh Việt    | Duy    | 07/07/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 655 | CNTT4238 | Nguyễn Văn   | Duy    | 12/07/2005 | Ninh Bình   | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 656 | CNTT4239 | Vũ Anh Hải   | Duy    | 27/04/2005 | Lâm Đồng    | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 657 | CNTT4240 | Lâm Thị      | Duyên  | 28/11/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,0         | 6,5       | Đạt       |         |
| 658 | CNTT4241 | Bùi Mạnh     | Dương  | 07/07/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,7         | 6,5       | Đạt       |         |
| 659 | CNTT4242 | Bùi Thị Bạch | Dương  | 18/08/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,5         | 6,5       | Đạt       |         |
| 660 | CNTT4243 | Bùi Thùy     | Dương  | 01/10/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 661 | CNTT4244 | Bùi Tùng     | Dương  | 07/09/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 6,5       | Đạt       |         |
| 662 | CNTT4245 | Đặng Thế     | Dương  | 25/04/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 663 | CNTT4246 | Đặng Thùy    | Dương  | 02/12/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 664 | CNTT4247 | Lê Bùi Đại   | Dương  | 07/05/2005 | Hà Nam      | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt       |         |
| 665 | CNTT4248 | Vũ Thị Bạch  | Dương  | 17/04/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,0         | 6,5       | Đạt       |         |
| 666 | CNTT4249 | Bùi Văn      | Đạt    | 20/03/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 667 | CNTT4250 | Mai Hồng     | Đạt    | 16/12/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                  |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 668 | CNTT4251 | Mè Văn Đạt       | 04/04/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 669 | CNTT4252 | Tòng Tiến Đạt    | 04/10/2004 | Sơn La    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 670 | CNTT4253 | Bùi Hải Đăng     | 23/08/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 671 | CNTT4254 | Nguyễn Hải Đăng  | 08/07/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 672 | CNTT4255 | Hà Văn Điệp      | 17/04/2004 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 673 | CNTT4256 | Lèo Tuấn Điệp    | 09/06/2004 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 674 | CNTT4257 | Bùi Đình Đình    | 14/12/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 6,5       | Đạt     |         |
| 675 | CNTT4258 | Ngân Đại Đoàn    | 23/07/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 5,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 676 | CNTT4259 | Bùi Văn Đức      | 13/09/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 677 | CNTT4260 | Hoàng Văn Đức    | 01/04/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,0         | 6,5       | Đạt     |         |
| 678 | CNTT4261 | Bùi Phúc Giang   | 02/01/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 679 | CNTT4262 | Nguyễn Trà Giang | 12/09/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 680 | CNTT4263 | Trần Văn Giang   | 10/09/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,5         | 8,0       | Đạt     |         |
| 681 | CNTT4264 | Phạm Văn Hà      | 10/01/2004 | Thanh Hóa | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 682 | CNTT4265 | Nguyễn Văn Hạ    | 07/05/2005 | Hà Tây    | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 683 | CNTT4266 | Bùi Ngọc Hải     | 03/10/2004 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 684 | CNTT4267 | Nguyễn Thị Hải   | 25/01/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 685 | CNTT4268 | Nguyễn Văn Hải   | 19/03/2005 | Gia Lai   | Nam       | 8,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 686 | CNTT4269 | Trần Trung Hải   | 28/04/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 687 | CNTT4270 | Bùi Anh Hào      | 27/03/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 688 | CNTT4271 | Bùi Quang Hào    | 15/05/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 689 | CNTT4272 | Bùi Xuân Hào     | 09/04/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 690 | CNTT4273 | Phạm Thúy Hằng   | 24/06/2006 | Ninh Bình | Nữ        | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 691 | CNTT4274 | Võ Thị Thu Hằng  | 10/04/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 692 | CNTT4275 | Bùi Thị Hiền     | 29/06/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 693 | CNTT4276 | Lữ Thị Hiền      | 03/03/2005 | Thanh Hóa | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 694 | CNTT4277 | Bùi Ngọc Hiệp    | 11/06/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 695 | CNTT4278 | Bùi Minh Hiếu    | 16/12/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,7         | 5,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|-------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|-----------|---------|
|     |          |                  |       |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |           |         |
| 696 | CNTT4279 | Bùi Văn          | Hiếu  | 15/04/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 697 | CNTT4280 | Lò Đức           | Hiếu  | 27/03/2006 | Sơn La    | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 698 | CNTT4281 | Phạm Quang       | Hiếu  | 17/03/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 699 | CNTT4282 | Trần Minh        | Hiếu  | 07/01/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 700 | CNTT4283 | Vàng Minh        | Hiếu  | 05/12/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 6,5       | Đạt       |         |
| 701 | CNTT4284 | Bùi Thị          | Hòa   | 27/03/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 702 | CNTT4285 | Nguyễn Thị Khánh | Hòa   | 03/07/2006 | Hà Nam    | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 703 | CNTT4286 | Bùi Ngọc         | Hoài  | 17/04/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 704 | CNTT4287 | Bùi Đình         | Hoan  | 03/08/2002 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 705 | CNTT4288 | Trương Việt      | Hoàn  | 09/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 706 | CNTT4289 | Đỗ Huy           | Hoàng | 18/03/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 707 | CNTT4290 | Lê Thanh         | Hoàng | 26/12/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 708 | CNTT4291 | Nguyễn Nam       | Hoàng | 28/07/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,5         | 7,5       | Đạt       |         |
| 709 | CNTT4292 | Quách Thanh      | Hoàng | 07/05/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 710 | CNTT4293 | Vũ Thanh         | Hoàng | 28/11/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt       |         |
| 711 | CNTT4294 | Nguyễn Văn       | Học   | 16/03/2005 | Ninh Bình | Nam       | 5,5         | 6,5       | Đạt       |         |
| 712 | CNTT4295 | Vừ Thị           | Hua   | 09/10/2005 | Sơn La    | Nữ        | -           | 3,5       | Không đạt |         |
| 713 | CNTT4296 | Hà Thu           | Huệ   | 19/11/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 714 | CNTT4297 | Bùi Duy          | Hùng  | 22/07/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt       |         |
| 715 | CNTT4298 | Bùi Mạnh         | Hùng  | 28/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,2         | 7,5       | Đạt       |         |
| 716 | CNTT4299 | Đặng Văn         | Hùng  | 24/08/2005 | Hà Tây    | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt       |         |
| 717 | CNTT4300 | Trương Lâm       | Hùng  | 06/12/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 718 | CNTT4301 | Bùi Quang        | Huy   | 27/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt       |         |
| 719 | CNTT4302 | Bùi Quang        | Huy   | 27/09/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt       |         |
| 720 | CNTT4303 | Bùi Thanh        | Huy   | 21/09/2006 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt       |         |
| 721 | CNTT4304 | Đinh Đình An     | Huy   | 11/08/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt       |         |
| 722 | CNTT4305 | Quách Công       | Huy   | 05/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt       |         |
| 723 | CNTT4306 | Lê Thu           | Huyền | 24/11/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,7         | 6,5       | Đạt       |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên     |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|---------------|-------|------------|-------------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |               |       |            |             |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 724 | CNTT4307 | Nguyễn Thanh  | Huyền | 04/08/2004 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 725 | CNTT4308 | Thái Duy      | Hưng  | 10/10/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 726 | CNTT4309 | Tạ Thị Diệu   | Hương | 01/12/2005 | Ninh Bình   | Nữ        | 6,7         | 6,5       | Đạt     |         |
| 727 | CNTT4310 | Hà Thu        | Hường | 28/02/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 728 | CNTT4311 | Quách Văn     | Khải  | 13/10/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 5,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 729 | CNTT4312 | Trần Quang    | Khải  | 20/06/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 730 | CNTT4313 | Đinh Duy      | Khang | 14/11/2005 | Ninh Bình   | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 731 | CNTT4314 | Mạc Tuấn      | Khanh | 28/11/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 732 | CNTT4315 | Đỗ Quốc       | Khánh | 02/09/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 733 | CNTT4316 | Nguyễn Thị    | Khánh | 03/05/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 734 | CNTT4317 | Cầm Văn       | Khiêm | 24/03/2005 | Sơn La      | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 735 | CNTT4318 | Bùi Thanh     | Khiết | 14/12/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 6,5       | Đạt     |         |
| 736 | CNTT4319 | Lý Trọng      | Khôi  | 05/12/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 737 | CNTT4320 | Bùi Thị Thu   | Lan   | 08/12/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 738 | CNTT4321 | Trần Thị      | Lan   | 27/07/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 739 | CNTT4322 | Bùi Công      | Lập   | 01/10/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 740 | CNTT4323 | Bùi Ngọc      | Linh  | 06/10/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 741 | CNTT4324 | Bùi Quang     | Linh  | 29/01/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 742 | CNTT4325 | Bùi Thị       | Linh  | 25/11/2004 | Hòa Bình    | Nữ        | 5,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 743 | CNTT4326 | Bùi Thị Thùy  | Linh  | 02/05/2006 | Thanh Hóa   | Nữ        | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 744 | CNTT4327 | Đinh Thị Diệu | Linh  | 27/06/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 745 | CNTT4328 | Dư Thị Thu    | Linh  | 03/09/2006 | Hòa Bình    | Nữ        | 7,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 746 | CNTT4329 | Dương Văn     | Linh  | 23/12/2005 | Hà Tây      | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 747 | CNTT4330 | Nguyễn Quang  | Linh  | 22/06/2006 | Hòa Bình    | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 748 | CNTT4331 | Phạm Ngọc     | Linh  | 25/08/2005 | Hòa Bình    | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 749 | CNTT4332 | Bàn Hải       | Long  | 09/02/2005 | Tuyên Quang | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 750 | CNTT4333 | Bùi Đức       | Long  | 22/06/2005 | Thanh Hóa   | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 751 | CNTT4334 | Nguyễn Hải    | Long  | 03/11/2005 | Hòa Bình    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |



| TT  | SBD      | Họ và tên      |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|-------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                |       |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 752 | CNTT4335 | Trần Quốc      | Long  | 02/09/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 753 | CNTT4336 | Hoàng Văn      | Lợi   | 21/09/2004 | Sơn La    | Nam       | 5,0         | 6,5       | Đạt     |         |
| 754 | CNTT4337 | Bùi Minh       | Luân  | 10/06/2006 | Thanh Hóa | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 755 | CNTT4338 | Trần Đức       | Lương | 07/12/2004 | Ninh Bình | Nam       | 7,0         | 7,0       | Đạt     |         |
| 756 | CNTT4339 | Giàng Nọ       | Ly    | 02/04/2006 | Thanh Hóa | Nam       | 6,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 757 | CNTT4340 | Hồ A           | Lý    | 10/04/2005 | Sơn La    | Nam       | 5,5         | 7,0       | Đạt     |         |
| 758 | CNTT4341 | Nguyễn Thị     | Lý    | 26/12/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 759 | CNTT4342 | Bùi Xuân       | Mai   | 28/08/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 760 | CNTT4343 | Nguyễn Hương   | Mai   | 27/01/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 761 | CNTT4344 | Nguyễn Ngọc    | Mai   | 13/10/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 762 | CNTT4345 | Bùi Văn        | Mạnh  | 13/08/2003 | Hòa Bình  | Nam       | 8,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 763 | CNTT4346 | Vì Văn         | Mạnh  | 06/02/2006 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 764 | CNTT4347 | Nguyễn Công    | Minh  | 28/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 765 | CNTT4348 | Nguyễn Văn     | Minh  | 25/09/2005 | Ninh Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 766 | CNTT4349 | Vũ Ngọc        | Minh  | 20/11/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 767 | CNTT4350 | Nguyễn Phương  | Nam   | 02/09/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 768 | CNTT4351 | Nguyễn Thành   | Nam   | 23/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 769 | CNTT4352 | Nguyễn Văn     | Nam   | 23/02/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 770 | CNTT4353 | Trịnh Văn      | Nam   | 12/08/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 771 | CNTT4354 | Vì Văn         | Nam   | 11/04/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 772 | CNTT4355 | Nguyễn Thị     | Nga   | 26/05/1994 | Hòa Bình  | Nữ        | 8,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 773 | CNTT4356 | Đinh Hiếu      | Ngân  | 10/07/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 774 | CNTT4357 | Nguyễn Thị Ánh | Ngân  | 20/09/2005 | Ninh Bình | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 775 | CNTT4358 | Nguyễn Hữu     | Nghĩa | 20/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 776 | CNTT4359 | Lê Trung       | Ngoan | 03/03/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 777 | CNTT4360 | Đỗ Minh        | Ngọc  | 29/08/2005 | Hà Nam    | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 778 | CNTT4361 | Nguyễn Hà Mai  | Ngọc  | 25/05/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 779 | CNTT4362 | Nguyễn Hồng    | Ngọc  | 30/03/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh         | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|--------|------------|------------------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                |        |            |                  |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 780 | CNTT4363 | Trịnh Trọng    | Nguyễn | 27/05/2003 | Hòa Bình         | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 781 | CNTT4364 | Bùi Xuân       | Nguyễn | 25/10/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 782 | CNTT4365 | Thào Thị       | Nhĩa   | 10/04/2005 | Sơn La           | Nữ        | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 783 | CNTT4366 | Bùi Thị        | Nhiên  | 10/02/2005 | Ninh Bình        | Nữ        | 5,7         | 8,0       | Đạt     |         |
| 784 | CNTT4367 | Nguyễn Thị Mai | Nhiên  | 07/04/2005 | Hòa Bình         | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 785 | CNTT4368 | Đình Công      | Phong  | 15/12/2005 | Thanh Hóa        | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 786 | CNTT4369 | Trần Vũ Hoài   | Phương | 08/09/2006 | Bình Phước       | Nữ        | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 787 | CNTT4370 | Đình Thị Loan  | Phượng | 24/10/2006 | Hòa Bình         | Nữ        | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 788 | CNTT4371 | Bùi Minh       | Quang  | 26/10/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 6,2         | 8,0       | Đạt     |         |
| 789 | CNTT4372 | Bùi Vinh       | Quang  | 23/09/2005 | Bệnh Viện Sơn La | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 790 | CNTT4373 | Bùi Vinh       | Quang  | 23/03/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 791 | CNTT4374 | Bùi Minh       | Quân   | 07/07/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 792 | CNTT4375 | Dương Đức Anh  | Quân   | 07/07/2004 | Hòa Bình         | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 793 | CNTT4376 | Giàng Lao      | Quân   | 11/10/2006 | Sơn La           | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 794 | CNTT4377 | Nguyễn Anh     | Quốc   | 07/11/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 795 | CNTT4378 | Bùi Phú        | Quý    | 06/06/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 796 | CNTT4379 | Tòng Văn       | Quyền  | 17/07/2004 | Sơn La           | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 797 | CNTT4380 | Trương Công    | Quyền  | 16/02/2005 | Thanh Hóa        | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 798 | CNTT4381 | Bùi Văn        | Quyết  | 11/02/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 799 | CNTT4382 | Lê Thanh       | Quyết  | 08/11/2005 | Ninh Bình        | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |         |
| 800 | CNTT4383 | Bùi Văn        | Quỳnh  | 05/12/2006 | Hòa Bình         | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 801 | CNTT4384 | Lò Mạnh        | Quỳnh  | 08/04/2005 | Sơn La           | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 802 | CNTT4385 | Vũ Xuân        | Sang   | 02/04/2005 | Ninh Bình        | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 803 | CNTT4386 | Đỗ Tuấn        | Sơn    | 12/07/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 5,5         | 8,0       | Đạt     |         |
| 804 | CNTT4387 | Bùi Đức        | Tài    | 07/09/2005 | Hòa Bình         | Nam       | 6,2         | 8,0       | Đạt     |         |
| 805 | CNTT4388 | Bùi Thị Thanh  | Tâm    | 21/02/2006 | Hòa Bình         | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 806 | CNTT4389 | Quách Kính     | Tâm    | 12/12/2005 | Hòa Bình         | Nữ        | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 807 | CNTT4390 | Kiều Ngọc      | Tân    | 08/03/2004 | Hà Nam           | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên           |  | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------|--|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                     |  |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 808 | CNTT4391 | Phạm Ngọc Tân       |  | 26/03/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 809 | CNTT4392 | Vì Doãn Tân         |  | 14/07/2004 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 810 | CNTT4393 | Bùi Phú Thái        |  | 24/10/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 811 | CNTT4394 | Lương Hoàng Thái    |  | 25/05/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 812 | CNTT4395 | Phạm Hoàng Thái     |  | 07/06/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 813 | CNTT4396 | Trần Văn Thái       |  | 06/11/2006 | Ninh Bình | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 814 | CNTT4397 | Đinh Xuân Thanh     |  | 14/02/2005 | Ninh Bình | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 815 | CNTT4398 | Ngô Minh Thành      |  | 08/09/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 816 | CNTT4399 | Cầm Văn Thắng       |  | 07/05/2005 | Sơn La    | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 817 | CNTT4400 | Đinh Công Thắng     |  | 24/02/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |         |
| 818 | CNTT4401 | Giàng Việt Thắng    |  | 27/04/2006 | Thanh Hóa | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 819 | CNTT4402 | Hà Công Thắng       |  | 09/11/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 5,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 820 | CNTT4403 | Nguyễn Văn Thi      |  | 16/03/2003 | Hà Nam    | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 821 | CNTT4404 | Nguyễn Tiến Thiên   |  | 01/08/2005 | Hà Tây    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 822 | CNTT4405 | Đinh Đức Thịnh      |  | 03/12/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 823 | CNTT4406 | Trương Quang Thọ    |  | 02/09/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 8,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 824 | CNTT4407 | Lò Thị Thoa         |  | 01/01/2005 | Sơn La    | Nữ        | 6,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 825 | CNTT4408 | Quách Thị Anh Thơ   |  | 05/12/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 826 | CNTT4409 | Bùi Văn Thụ         |  | 30/12/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 827 | CNTT4410 | Nguyễn Phương Thùy  |  | 08/09/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 5,5         | 5,0       | Đạt     |         |
| 828 | CNTT4411 | Hà Cảnh Thức        |  | 04/09/2004 | Hà Nam    | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 829 | CNTT4412 | Bùi Thị Thương      |  | 28/02/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 830 | CNTT4413 | Bùi Thị Hoài Thương |  | 04/11/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 831 | CNTT4414 | Nguyễn Văn Thượng   |  | 01/02/2004 | Thanh Hóa | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 832 | CNTT4415 | Bùi Văn Tiến        |  | 27/10/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 833 | CNTT4416 | Bùi Mạnh Toàn       |  | 08/12/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 834 | CNTT4417 | Lò Thị Toàn         |  | 18/03/2005 | Sơn La    | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 835 | CNTT4418 | Lưu Danh Toàn       |  | 17/05/2004 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------|--------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                 |        |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 836 | CNTT4419 | Vũ Văn          | Toàn   | 01/11/2005 | Hà Nam    | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |         |
| 837 | CNTT4420 | Nguyễn Quốc     | Toàn   | 18/09/2005 | Ninh Bình | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 838 | CNTT4421 | Bùi Thị Thu     | Trang  | 17/05/2006 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 839 | CNTT4422 | Đình Thu        | Trang  | 04/06/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |         |
| 840 | CNTT4423 | Đỗ Thị Thanh    | Trang  | 16/08/2005 | Lâm Đồng  | Nữ        | 7,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 841 | CNTT4424 | Nguyễn Thị Kiều | Trang  | 11/12/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 842 | CNTT4425 | Nguyễn Thị Thùy | Trang  | 19/10/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 843 | CNTT4426 | Bùi Tiến        | Trung  | 21/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 844 | CNTT4427 | Bùi Quang       | Trường | 19/05/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 845 | CNTT4428 | Vì Tú           | Trường | 20/11/2006 | Thanh Hóa | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 846 | CNTT4429 | Bùi Thanh       | Tú     | 20/02/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 847 | CNTT4430 | Bùi Văn         | Tú     | 08/03/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 848 | CNTT4431 | Bùi Văn         | Tú     | 18/04/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 849 | CNTT4432 | Lưu Ngọc        | Tú     | 27/06/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 850 | CNTT4433 | Bùi Mạnh        | Tuấn   | 28/02/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,5         | 8,5       | Đạt     |         |
| 851 | CNTT4434 | Bùi Minh        | Tuấn   | 30/04/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 8,0       | Đạt     |         |
| 852 | CNTT4435 | Bùi Trọng       | Tuấn   | 01/06/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,7         | 7,5       | Đạt     |         |
| 853 | CNTT4436 | Đình Minh       | Tuấn   | 01/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 854 | CNTT4437 | Đình Văn        | Tuấn   | 30/01/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 855 | CNTT4438 | Lê Anh          | Tuấn   | 12/07/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,0         | 7,0       | Đạt     |         |
| 856 | CNTT4439 | Quách Anh       | Tuấn   | 21/08/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 7,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 857 | CNTT4440 | Quách Công      | Tuấn   | 08/01/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 8,0       | Đạt     |         |
| 858 | CNTT4441 | Trần Anh        | Tuấn   | 29/10/2006 | Ninh Bình | Nam       | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 859 | CNTT4442 | Hoàng Huy       | Tùng   | 04/03/2005 | Sơn La    | Nam       | 7,0         | 6,5       | Đạt     |         |
| 860 | CNTT4443 | Phạm Thanh      | Tùng   | 24/06/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 861 | CNTT4444 | Nguyễn Thành    | Tuyên  | 14/01/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 5,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 862 | CNTT4445 | Bùi Minh        | Tuyên  | 12/05/2005 | Thanh Hóa | Nam       | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 863 | CNTT4446 | Phạm Thị Thắm   | Tươi   | 12/04/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,0         | 7,0       | Đạt     |         |

| TT  | SBD      | Họ và tên          | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|---------|
|     |          |                    |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 864 | CNTT4447 | Thào A Vạng        | 10/03/2002 | Sơn La    | Nam       | 7,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 865 | CNTT4448 | Bùi Anh Vãn        | 27/09/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 866 | CNTT4449 | Nguyễn Minh Vãn    | 01/11/2006 | Ninh Bình | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 867 | CNTT4450 | Bùi Đức Việt       | 09/04/2004 | Hòa Bình  | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 868 | CNTT4451 | Phạm Công Vinh     | 07/06/2005 | Ninh Bình | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |         |
| 869 | CNTT4452 | Bùi Long Vũ        | 19/11/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 5,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 870 | CNTT4453 | Nguyễn Danh Vũ     | 07/05/2005 | Hà Tĩnh   | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 871 | CNTT4454 | Nguyễn Tuấn Vũ     | 17/10/2005 | Hòa Bình  | Nam       | 8,0         | 8,0       | Đạt     |         |
| 872 | CNTT4455 | Đình Thanh Xuân    | 14/02/2005 | Ninh Bình | Nam       | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 873 | CNTT4456 | Quách Thị Xuân     | 06/12/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |         |
| 874 | CNTT4457 | Nguyễn Thị Xuyên   | 02/02/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt     |         |
| 875 | CNTT4458 | Hoàng Thị Hải Yên  | 04/04/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 876 | CNTT4459 | Nguyễn Thị Hải Yên | 16/08/2005 | Hòa Bình  | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |

Số thí sinh theo danh sách: **876**

Số thí sinh vắng thi: **10**

Số thí sinh dự thi: **866**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **846**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **20**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**TRƯỞNG BAN THƯ KÝ**

**Đỗ Thị Huyền**

**Nguyễn Công Thành**